

Bất bình đẳng đa chiều ở Việt Nam:

Cần có một phương pháp đo lường bất bình đẳng toàn diện¹

TÓM TẮT

Việt Nam đã và đang đạt được nhiều thành tựu vượt bậc về phát triển kinh tế trong vòng 30 năm qua. Tuy nhiên, ngày càng có nhiều lo ngại về bất bình đẳng gia tăng trên nhiều bình diện của cuộc sống, đặc biệt về cơ hội và tiếng nói đối với một số nhóm dân cư. Trong khi đó, vẫn còn khoảng trống trong phân tích đa chiều để có cái nhìn toàn diện và có chiều sâu về bất bình đẳng.

Nghiên cứu này là nỗ lực tiên phong trong việc **đánh giá bất bình đẳng đa chiều trên những lĩnh vực quan trọng: cuộc sống và sức khỏe; giáo dục và học tập; sự tham gia, sự ảnh hưởng và tiếng nói**".

Những phát hiện chính từ nghiên cứu cho thấy **có sự chênh lệch lớn giữa các nhóm dân cư khác nhau về khu vực địa lý, vùng kinh tế-xã hội, và dân tộc** về khả năng thực hiện quyền được tiếp cận nền giáo dục chất lượng, quyền được sống khỏe mạnh cùng khả năng tiếp cận cơ sở vật chất, dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng. Nhóm dân tộc thiểu số (DTTS), phụ nữ và khu vực nông thôn chịu nhiều ảnh hưởng từ bất bình đẳng trong tiếp cận sức khỏe và giáo dục hơn nhóm dân tộc Kinh, nam giới và hộ có thu nhập cao sinh sống chủ yếu ở khu vực thành thị. Ngoài ra, **bất bình đẳng trong khả năng tham gia, lên tiếng và tạo ảnh hưởng tới những vấn đề cộng đồng** cũng đặc

biệt rõ rệt giữa nhóm nam và **nữ, giữa nhóm hộ nghèo nhất có trình độ học vấn thấp** với nhóm hộ giàu nhất, sống ở thành thị và có trình độ học vấn cao.

PHƯƠNG PHÁP

Nghiên cứu này sử dụng **Khung Bất Bình Đẳng Đa Chiều (MIF)** được phát triển bởi CASE/LSE, SOAS/Đại học Luân Đôn và tổ chức Oxfam. Khung MIF được xây dựng dựa trên cách tiếp cận năng lực của Sen (1993) nhằm cung cấp phương pháp luận để đánh giá bất bình đẳng trong phúc lợi cá nhân. Ngoài bất bình đẳng về thu nhập và tài sản, báo cáo cũng phân tích bất bình đẳng trên những lĩnh vực chính của cuộc sống bao gồm cuộc sống và sức khỏe; giáo dục và học tập; sự tham gia, sự ảnh hưởng và tiếng nói.

Nghiên cứu áp dụng phương pháp tổng hợp với sự hết hợp của phương pháp định lượng và định tính nối tiếp nhau.

Đối với phần định lượng, hai cơ sở dữ liệu chính là **Khảo sát mức sống hộ gia đình (VHLSS)**, và **Khảo sát Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công ở Việt Nam (PAPI)**. Dựa vào đó, nghiên cứu tính toán các chỉ số quan trọng trong ba lĩnh vực của MIF.

Nghiên cứu định tính được thực hiện ở 3 tỉnh thành (**Tuyên Quang, Đắk Lắk và Sóc Trăng**). Có 6 cuộc thảo luận nhóm (TLN) và 25 cuộc phỏng vấn sâu

(PVS) được tiến hành, thu thập thêm thông tin về câu chuyện cụ thể ở địa phương nhằm làm hiểu thêm nhận thức của người dân về bất bình đẳng cũng như xác định các nguyên nhân chính.

BỐI CẢNH

Bất bình đẳng kinh tế ngày càng gia tăng từ góc nhìn đa chiều

Nghiên cứu về khía cạnh bất bình đẳng kinh tế chưa thể làm sáng tỏ hết các chiều chênh lệch, sự đan xen và có tính liên thế hệ trong phúc lợi của người dân.

Xét về mặt kinh tế, vẫn tồn tại một sự chênh lệch lớn về mức sống của nhóm dân tộc đa số (dân tộc Kinh) và nhóm DTTS. Mặc dù tỷ lệ nghèo của cả hai nhóm đều giảm dần, nhưng tỷ lệ nghèo của nhóm DTTS vẫn cao hơn tỷ lệ nghèo của nhóm dân tộc Kinh. Vào năm 2016, nhóm **DTTS chỉ chiếm 15% tổng dân số quốc gia nhưng lại chiếm tới 73% người nghèo**. Tỷ lệ nghèo của cả nước vào năm 2016 là 9,8% trong khi của dân tộc Kinh đạt dưới mức trung bình, 3,1%. Ngược lại, **tỷ lệ nghèo của DTTS cao hơn dân tộc Kinh gấp 15 lần: 45% người thuộc nhóm DTTS vẫn sống trong nghèo đói vào năm 2016**. Giữa các nhóm DTTS cũng

¹ Nghiên cứu này được thực hiện bởi Viện Nghiên cứu Phát triển Mekong (MDRI) và tổ chức Oxfam. Bản tóm tắt báo cáo này được soạn thảo bởi Cristina Rovira (Oxfam Intermón).

nghư giữa các khu vực địa lý cũng có một sự khác biệt rõ về mức phúc lợi, thậm chí khoảng cách ấy còn đang tăng dần lên. Khi nhìn vào **tỷ lệ nghèo của nhóm dân tộc sinh sống ở khu vực nông thôn vào năm 2016, các dân tộc như Mông, La Hủ, Mảng, Lô Lô có tỷ lệ nghèo cao nhất – vào khoảng 80%**. Để hiểu được các nguyên nhân của tình trạng bất bình đẳng kinh tế, đánh giá phân tầng về bất bình đẳng chia theo nhóm dân cư đã được thực hiện. **Bất bình đẳng trong chi tiêu hộ gia đình giữa các tỉnh/thành phố chiếm gần 22% tổng mức bất bình đẳng**, trong khi **bất bình đẳng giữa các nhóm dân tộc chiếm 15% tổng mức bất bình đẳng. Bất bình đẳng về tiền lương chiếm tỷ lệ lớn nhất – 46,2% tổng mức bất bình đẳng trong năm 2016. Bất bình đẳng trong thu nhập từ kinh doanh phi nông nghiệp và các nguồn thu nhập phi nông nghiệp khác lần lượt chiếm 30,1% và 13,2% tổng bất bình đẳng. Thu nhập từ hoạt động nông nghiệp đóng góp rất nhỏ vào tổng bất bình đẳng.**

Tóm lại, dựa trên phân tích về bất bình đẳng trong thu nhập và sở hữu tài sản, bất bình đẳng kinh tế có xu hướng rơi vào nhóm hộ nghèo nhất, DTTS từ khu vực nông thôn. Trong khi đó, nhóm được hưởng lợi thường là nhóm người giàu nhất và có trình độ học vấn cao nhất.

BA LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM MIF

So sánh với các nghiên cứu trước kia, báo cáo nghiên cứu này nỗ lực tìm hiểu sâu xa về xu hướng bất bình đẳng trên 3 lĩnh vực của cuộc sống: cuộc sống và sức khỏe; giáo dục và học tập; sự tham gia, sự ảnh hưởng và tiếng nói, thông qua phân tích định lượng và định tính.



Ở các phần tiếp theo, nghiên cứu cố gắng hướng tới những nhóm chịu nhiều ảnh hưởng nhất từ các dạng bất bình đẳng trong các lĩnh vực kể trên của cuộc sống, điều này có liên quan mật thiết tới phúc lợi của con người.

Bất bình đẳng về cuộc sống và sức khỏe

Lĩnh vực đầu tiên phân tích **khả năng tận hưởng tuổi già và tránh được nguy cơ tử vong sớm**. Lĩnh vực này cũng bao gồm khía cạnh **bất bình đẳng về sức khỏe nhìn từ góc độ thể chất và tinh thần** giữa các nhóm dân cư. Việc đánh giá một cách có hệ

thống các chỉ tiêu trong lĩnh vực này đã cho thấy có sự chênh lệch lớn, tồn tại dai dẳng giữa những hộ gia đình có thu nhập cao từ thành thị hoặc có trình độ học vấn cao khi so sánh với nhóm DTTS, phụ nữ, những nhóm sống ở khu vực nông thôn.

Ví dụ, nhóm không bằng cấp có tỷ lệ người khuyết tật cao nhất (25%), gấp 7 lần nhóm sở hữu bằng trung học, cao đẳng, đại học hoặc trên đại học. Tương tự, **nhóm 20% dân số nghèo nhất có tỷ lệ người khuyết tật cao**

gấp gần 4 lần nhóm 20% dân số giàu nhất. Tỷ lệ khuyết tật của nhóm DTTS có xu hướng cao hơn nhóm DT Kinh (lần lượt là 17% và 13%)

Tương tự, chênh lệch dai dẳng về tỷ lệ tử vong và tuổi thọ vẫn tồn tại theo khu vực địa lý và dân tộc. Mặc dù tỷ suất tử vong ở trẻ dưới 1 tuổi (IMR) của cả nước ở mức thấp và đang trên đà giảm dần, tỷ suất này lại khá chênh lệch giữa các vùng. Thực tế, **IMR của khu vực Tây Nguyên cao gấp gần 3 lần khu vực Đông Nam Bộ**. Cũng giống như vậy, tỷ lệ tử vong ở trẻ dưới 5 tuổi (U5MR) ở khu vực nông thôn cao gấp đôi khu vực thành thị. **Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên là 2 vùng ghi nhận U5MR cao gần gấp 3 lần so với Đông Nam Bộ.**

Tiếp theo, nếu chúng ta nhìn vào tuổi thọ, sẽ thấy rằng **một người dân sống ở Tây Nguyên có tuổi thọ trung bình thấp hơn 3 năm so với mặt bằng chung của người Việt Nam và ít hơn 6 năm nếu so với một người dân ở vùng Đông Nam Bộ**. Khi so sánh giữa các nhóm dân tộc, tỷ suất tử vong của dân tộc Kinh (3,72‰) thấp hơn các nhóm DTTS, đặc biệt là nhóm dân tộc Tày, Nùng và H'Mông với tỷ suất tử vong lần lượt là 4,86‰, 4,79‰ và 4,76‰.

Những sự chênh lệch này không đơn thuần là rủi ro mà **phản ánh một vài nguyên nhân nhất định của bất bình đẳng có liên quan tới các lựa chọn chính sách**. Liên quan tới tác động của điều kiện sống lên tình trạng sức khỏe, **việc thiếu tiếp cận nước sạch và công trình vệ sinh cải tiến hiện vẫn là một thách thức lớn đối với nhóm DTTS và hộ nông thôn, khu vực vùng sâu vùng xa**. Gần 1 nửa hộ gia đình dân tộc Kinh có nước máy trong khi chỉ 13% hộ DTTS tiếp cận được nguồn nước này.

Ngoài ra, **việc tiếp cận cơ sở y tế có chất lượng cũng vẫn còn sự bất bình đẳng rõ rệt**. Số lần khám bệnh trung bình hàng năm của một người Kinh có thể cao hơn tới 18 lần so với một người H' Mông. Việc tiếp cận cơ sở y tế có chất lượng tiếp tục có sự chênh lệch giữa những nhóm có điều kiện kinh tế-xã hội khác nhau. Số lần khám bệnh trung bình hàng năm tại các cơ sở y tế có chất lượng của 20% dân số giàu nhất cao hơn khoảng 1,6 lần 20% dân số nghèo nhất. Sự chênh lệch đáng kể này gắn với nhận thức, khả năng chi trả và các yếu tố liên quan đến khả năng tiếp cận như địa điểm của bệnh viện. Người Kinh thường sinh sống ở những nơi gần với cơ sở y tế trong khi người DTTS sống rất xa bệnh viện. Cuối cùng, **chi tiêu tiền túi (OPP) hàng năm cho y tế có sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm dân tộc và giữa các mức sống**. Chi tiêu tiền túi hàng năm cho y tế của một người Kinh có thể gấp tới 15 lần một người H' Mông.

Bất bình đẳng về giáo dục và học tập

Lĩnh vực thứ hai phân tích **khả năng thu nhận kiến thức, hiểu biết, phân tích và có đầy đủ kỹ năng xã hội**. Lĩnh vực này bao gồm **bất bình đẳng về**

giáo dục xuyên suốt cuộc đời một con người.

Mặc dù Việt Nam đã đạt được phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, **tiếp cận giáo dục từ sớm, giáo dục cơ sở và bậc cao vẫn không đồng đều giữa các nhóm dân tộc, vùng địa lý cũng như giữa các hộ có hoàn cảnh kinh tế khác nhau**. Ví dụ, trẻ em Khơ Me có tỷ lệ học mẫu giáo thấp nhất, chưa tới 50%. Tỷ lệ này gấp đôi ở nhóm dân tộc khác như người Thái. Hơn nữa, tỷ lệ trẻ Khơ Me dưới 5 tuổi thuộc nhóm không đi học ở khu vực thành thị cao hơn rất nhiều khu vực nông thôn (33,5% và 19,8%). Thêm vào đó, tỷ lệ nhập học bậc tiểu học và THCS ở nhóm người Khơ Me, Nùng và H'Mông vẫn thấp hơn nhóm người Kinh, Thái và Tày.

Tình trạng bất bình đẳng lại tiếp tục được ghi nhận ở những bậc học cao hơn. **Tiếp cận bậc học cao đẳng, ĐH vẫn chưa được phổ cập toàn quốc dành cho những thanh niên thuộc nhóm DTTS, nhóm sinh sống ở nông thôn và nhóm hộ nghèo, đặc biệt là phụ nữ**. Dân tộc Kinh sở hữu tỷ lệ cao nhất, gần 46% học Cao Đẳng. Trong khi đó, dưới 10% người Khơ Me, H'Mông và Dao có cơ hội đi học Cao đẳng. Thêm nữa, số năm đi học trung bình của **nhóm người Kinh và người Tày là 8,6, nhiều hơn 5 năm so với người Dao và Khơ Me và nhiều hơn 6 năm nếu so với người H'Mông**

Ở cả 4 bậc học, tỉ lệ đi học của nữ giới đều cao hơn nam giới, tuy nhiên, **nữ giới trung bình dành ít hơn 1 năm trên ghế nhà trường so với các bạn nam** (số năm đi học trung bình của nữ giới là 7,7 còn nam giới là 8,7). Ngoài ra, cư dân thành thị trung bình đi học nhiều hơn 10 năm, gấp gần 1,5 lần cư dân nông thôn. Cuối cùng, **một người thuộc nhóm 20% dân số giàu nhất đi học nhiều hơn gần 6 năm một người từ nhóm 20% nghèo nhất**. Hơn nữa,

bất bình đẳng có xu hướng tiếp diễn qua nhiều thế hệ: Dân số sống trong hộ gia đình có chủ hộ đạt trình độ từ THCN, CĐ trở lên cũng có xu hướng đạt được các trình độ tương đương (với số năm đi học trung bình đạt 14,3 năm).

Trải nghiệm về chất lượng giáo dục cũng khác biệt giữa các khu vực địa lý và nhóm dân tộc. Trẻ em DTTS, trẻ sinh sống ở khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên, và trẻ thuộc hộ nghèo có thành tích học tập kém hơn hẳn trẻ dân tộc Kinh, trẻ sống ở đồng bằng sông Hồng và trẻ đến từ những hộ gia đình giàu có. Hơn nữa, nghiên cứu cũng ghi nhận **mối tương quan rõ ràng giữa điểm số của trẻ và điều kiện kinh tế của gia đình**. Ngoài ra, quan sát tại thực địa cũng giải thích thêm lí do cho **thành tích học tập kém ở trẻ Khơ me và H'Mông là rào cản ngôn ngữ, quy chuẩn xã hội và nhận thức của cha mẹ về tầm quan trọng của giáo dục**.

Vượt lên trên vai trò của những quy chuẩn xã hội, nghiên cứu xác định một tập hợp các tác nhân gây ra bất bình đẳng đã được trình bày ở trên. Đầu tiên phải kể đến việc tiếp cận thiếu đồng đều trong giáo dục và học tập. **Đầu tư cho giáo dục, thể hiện ở mức chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình, chênh lệch rất nhiều giữa các nhóm dân cư. Chi tiêu cho giáo dục của một học sinh người Kinh gấp 4 lần một học sinh DTTS**. Nghiên cứu định tính cũng chứng minh khoảng cách về môi trường học tập, **đặc biệt là về chất lượng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị và hoạt động dạy học giữa điểm trường chính và điểm trường lẻ trên cùng một địa bàn**. Một tác nhân nữa là việc thiếu đáp ứng nhu cầu giáo dục đặc biệt cho học sinh khuyết tật và thiếu tiếp cận cơ hội phát triển trẻ thơ, hướng

ng nghiệp, đào tạo kỹ thuật và đào tạo nghề.

Cuối cùng, bất bình đẳng về giáo dục vẫn còn tồn tại vì liên quan mật thiết đến bất bình đẳng trong những lĩnh vực khác của cuộc sống. **Bất bình đẳng về giáo dục dẫn đến và càng làm trầm trọng hóa những bất bình đẳng ở lĩnh vực khác, tạo thêm nhiều rào cản cho một số nhóm dân cư nhất định để có cơ hội bình đẳng trong việc tiếp cận thị trường lao động và một công việc chất lượng và tử tế.**

Bất bình đẳng trong sự tham gia, sự ảnh hưởng và tiếng nói

Lĩnh vực thứ ba và cũng là cuối cùng phân tích bất bình đẳng trong **khả năng tham gia, lên tiếng và gây ảnh hưởng đến những vấn đề cộng đồng**. Nghiên cứu định lượng và định tính cho thấy có tồn tại sự **chênh lệch khá sâu sắc giữa nam giới và nữ giới, giữa hộ nghèo với trình độ học vấn thấp với hộ giàu, sống ở thành thị và có trình độ học vấn cao.**

Khi được hỏi về tên của Thủ tướng Chính phủ đương nhiệm, có một sự khác biệt rất lớn về hiểu biết của nam giới và nữ giới, dân tộc Kinh/DTTS, trình độ giáo dục và mức thu nhập. Vào năm 2018, **hơn 50% người Kinh biết tên của Thủ tướng trong khi tỷ lệ**

này ở nhóm DTTS là dưới 34%. Tương tự, chỉ 32% phụ nữ có thể nêu tên của Thủ tướng trong khi 70% nam giới có thể làm được điều này. Thêm nữa, 76% người sở hữu bằng THPT trở lên biết tên của Thủ tướng – cao hơn 3.5 lần nhóm có trình độ dưới tiểu học (22%).

So với nam giới thì nữ giới có mức độ quan tâm đến chính trị thấp hơn và tỷ lệ tham gia bầu cử thấp hơn. Tỷ lệ cá nhân đi bầu cử tỷ lệ thuận với trình độ giáo dục. **Người có trình độ giáo dục càng cao thì tỷ lệ tham gia bầu cử càng lớn.** Hộ gia đình có thu nhập cao và ở khu vực thành thị cũng có mức độ hiểu biết chính trị và tham gia bầu cử nhiều hơn hộ gia đình có thu nhập thấp và hộ gia đình ở khu vực nông thôn.

Ngoài bầu cử, việc người dân tham gia các cuộc họp với đại diện quần chúng hoặc lãnh đạo địa phương là tiền đề góp phần giúp người dân hiểu được vai trò và ảnh hưởng của mình, đồng thời tạo động lực cho người dân chủ động đóng góp ý kiến xây dựng chính sách địa phương và chính sách quốc gia. **Tỷ lệ nam giới đi họp cao gần gấp đôi nữ giới.** Trong khi nhóm người nghèo tham gia nhiều hơn vào các cuộc họp với Hội đồng nhân dân (HĐND) cấp xã thì nhóm người có điều kiện kinh tế cao hơn lại tham gia nhiều hơn vào các cuộc họp cấp tỉnh. Ngoài ra, **tỷ lệ nữ giới chủ động nêu ý**

kiến và gửi kiến nghị đến UBND các cấp chỉ bằng một nửa so với nam giới

Bất bình đẳng trong sự tham gia, tạo ảnh hưởng và đóng góp ý kiến bị chi phối bởi sự mất cân bằng về quyền lực giữa các nhóm dân cư. Có 4 nguyên nhân dẫn đến tình trạng bất bình đẳng này được xác định trong nghiên cứu. Đầu tiên là **sự tồn tại của các chuẩn mực xã hội và văn hóa cản trở sự tham gia của phụ nữ.** Thứ hai là thiếu hiệu quả trong việc khuyến khích sự tham gia dân chủ của tất cả các nhóm dân cư; và thứ ba là thiếu hiệu quả trong việc thực thi luật pháp nhằm đảm bảo minh bạch và ngăn ngừa tham nhũng. Cuối cùng, **bất bình đẳng về thu nhập và giáo dục chính là nguyên nhân gốc rễ của bất bình đẳng trong sự tham gia.** Một nút thắt quan trọng đối với tình trạng đan xen các dạng bất bình đẳng là **bất bình đẳng trong sự tham gia, ảnh hưởng và tiếng nói thường đi song song với bất bình đẳng trong thu nhập, giáo dục và bất bình đẳng giới trong xã hội.**

Bất bình đẳng trong sự tham gia có thể lặp lại, tiếp diễn và tạo ra vòng lặp chu kỳ của bất bình đẳng, vì những nhóm yếu thế hoặc dễ bị tổn thương không có đủ cơ hội để tham gia vào quá trình ra quyết định quan trọng tại địa phương, dẫn đến bất bình đẳng kéo dài qua nhiều thế hệ.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Tiếp cận đa chiều trong giảm nghèo đã được Việt Nam đặt là trọng tâm để phân tích và xác định đối tượng thụ hưởng các chương trình và chính sách hỗ trợ xã hội. Nhờ đó, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong công cuộc giảm nghèo. Mặc khác, Việt Nam cũng đang đưa ra các lộ trình cụ thể về giảm bất bình đẳng, nhằm đạt được mục tiêu SDG 10. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng trống lớn trong phân tích đa chiều về bất bình đẳng tại Việt Nam, để có cái nhìn toàn diện, có chiều sâu về bất bình đẳng, hiểu về tính đan xen cũng như tính liên thể hệ của bất bình đẳng, từ đó đưa ra những giải pháp giảm bất bình đẳng, đảm bảo phát triển bao trùm, và mọi người được hưởng lợi từ quá trình phát triển.

Do hạn chế về nguồn số liệu chính thức để tính toán các chỉ số trong MIF và nguồn lực, nghiên cứu tập trung vào ba lĩnh vực quan trọng trên bảy lĩnh vực của Khung đo Bất bình đẳng đa chiều. Sau khi thực hiện phân tích định lượng và định tính, nghiên cứu đã xác định được **sự chênh lệch/khoảng cách rõ rệt và dai dẳng giữa các nhóm dân cư khác nhau về khu vực địa lý, vùng kinh tế-xã hội, và dân tộc trên bình diện khả năng tiếp cận quyền được hưởng nền giáo dục chất lượng, quyền được sống khỏe mạnh cùng với khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe/cơ sở y tế chất lượng, và quyền được tham gia, đóng góp tiếng nói đến vấn đề của cộng đồng**. Để giảm bớt tình trạng bất bình đẳng, các cơ quan liên quan cần áp dụng **cách tiếp cận lấy con người làm trọng tâm để thiết kế chính sách, thực thi, giám sát và đánh giá**.

Cách tiếp cận này không chỉ tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế bao trùm mà còn tập trung vào nhiều khía cạnh của **phúc lợi xã hội**.

- ▶ **Thực thi các chính sách phân bổ lại thu nhập và hỗ trợ người nghèo**. Để giảm bất bình đẳng, nhóm nghèo nhất không những cần phải gia tăng mức thu nhập mà còn cần đạt được tốc độ tăng trưởng thu nhập nhanh hơn tốc độ tăng thu nhập của nhóm giàu nhất, trong khi vẫn được đảm bảo mức hưởng phúc lợi tương đương. Chính phủ Việt Nam tiếp tục cam kết thực hiện hệ thống thuế lũy tiến vì đây là công cụ hiệu quả trong việc phân phối lại thu nhập, đồng thời, đầu tư dịch vụ công thiết yếu để không ai bị bỏ lại phía sau. Chính phủ cũng nên tăng cường ngân sách cho y tế công và giáo dục để bắt kịp với tiêu chuẩn quốc tế.
- ▶ **Thiết kế những chính sách hoặc chương trình đặc thù dành riêng cho nhóm yếu thế chịu tác động bởi bất bình đẳng, cụ thể là nhóm DTTS, phụ nữ, và hộ nông dân quy mô nhỏ từ vùng sâu vùng xa**. Để giảm thiểu tình trạng bất bình đẳng, các chính sách không chỉ cần nhắm tới khu vực nghèo mà còn cần **xem xét những nhu cầu và năng lực tiếp cận đặc thù của những nhóm này** (ví dụ, cung cấp thông tin bằng tiếng của đồng bào DTTS). Chính phủ cũng nên triển khai những chính sách phù hợp để khuyến khích khu vực tư nhân thu hút nhân lực từ nông thôn và DTTS để tạo thêm cơ hội làm việc trong khu vực phi nông nghiệp cũng như cải thiện năng suất nông nghiệp và đảm bảo mức thu nhập đủ sống cùng điều kiện làm việc tốt hơn cho họ.
- ▶ **Thực thi chính sách đảm bảo tiếp cận y tế toàn dân và nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ở những khu vực có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt là khu vực sinh sống của cộng đồng DTTS**.
- ▶ **Triển khai chính sách đẩy mạnh giáo dục ở khu vực có hoàn cảnh khó khăn, tập trung nhiều đồng bào DTTS. Chất lượng hệ thống dạy học và giáo dục ở những vùng khó khăn cần được chú trọng**

đầu tư và phát triển. **Những chương trình cung cấp bữa ăn trưa và học bổng** cho học sinh nghèo và học sinh DTTS rất cần thiết. **Tuyên truyền** cho các bậc phụ huynh về giá trị của giáo dục ở ngôn ngữ mà họ có thể hiểu được cũng rất quan trọng để duy trì và gia tăng tỉ lệ nhập học, nhất là cho đồng bào DTTS. **Đào tạo nghề** theo nhu cầu của thị trường lao động cũng góp phần nâng cao kỹ năng và gia tăng cơ hội nghề nghiệp cho các nhóm yếu thế.

- ▶ **Cải thiện tiếp cận nguồn nước uống sạch ở học đường và tại hộ gia đình** sẽ góp phần cải thiện sức khỏe người dân. Bên cạnh việc **xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh và cung cấp nguồn nước sạch, ý thức** giữ gìn tài sản cần thận cũng cần được chú trọng.
- ▶ **Triển khai các chương trình giáo dục về tư duy phản biện, công dân tích cực và nâng cao nhận thức** đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ và nâng cao năng lực cho nữ giới, những hộ gia đình nghèo và những người có trình độ giáo dục hạn chế để trang bị cho họ công cụ tư duy thiết yếu để có thể nhận thức được khả năng tham gia và đóng góp tiếng nói của bản thân vào các vấn đề cộng đồng
- ▶ **Cập nhật và cải thiện phân tích dữ liệu, đặc biệt thông qua việc thu thập dữ liệu phân tầng.** Để có thể giải quyết hiệu quả tình trạng bất bình đẳng gia tăng, chúng ta rất cần phải **hiểu và đo đạc được mức độ bất bình đẳng, để nắm rõ được nguyên nhân cũng như nhân tố ảnh hưởng** đến tình trạng bất bình đẳng, từ đó tìm ra các đòn bẩy để ngăn chặn bất bình đẳng trên mọi lĩnh vực, hỗ trợ phát triển và thực thi các chiến lược hành động hiệu quả ở thực địa. Chính phủ nên tổng hợp một cách có hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến bất bình đẳng từ những khảo sát như PAPI, DHS và VHLSS cũng như dữ liệu liên quan đến việc thực thi và tác động của SDG 10, và **mở quyền truy cập thông tin này cho toàn xã hội và tất cả công dân, đồng thời lồng ghép những chỉ tiêu này vào khung phát triển chính sách quốc gia.** Khung chỉ tiêu MIF, phụ thuộc vào cách tiếp cận dựa trên khả năng và quyền con người, cũng nên được tích hợp vào trong danh sách bộ Chỉ tiêu Thống kê Quốc Gia để thu thập số liệu trong các chương trình Khảo sát Quốc Gia.